



SỔ TAY HƯỚNG DẪN

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP THEO NGUYÊN TẮC

KINH TẾ TUẦN HOÀN

(trong khuôn khổ thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025)

Tháng 9 năm 2023

GIỚI THIỆU

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP THEO NGUYÊN TẮC KINH TẾ TUẦN HOÀN VÀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Mô hình Kinh tế tuần hoàn được cho là một giải pháp thay thế cho các tiếp cận khai thác-chế biến-thải bỏ, giúp sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn, giảm chất thải và tiêu hao nguyên vật liệu. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu tác động môi trường của các hoạt động kinh tế, giảm chi phí xử lý chất thải, đồng thời tạo việc làm, kích thích đổi mới sáng tạo, thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới. Được đề xướng từ những năm 1960 nhưng chỉ đến những năm gần đây, khái niệm KTTH mới nhận được nhiều sự chú ý và dần trở thành xu thế toàn cầu. Mặc dù được đưa vào thảo luận rộng khắp trên các diễn đàn chính sách và kinh tế, việc áp dụng KTTH trong thực tế không hề dễ dàng, do đòi hỏi đổi mới công nghệ, điều chỉnh tư duy thiết kế sản phẩm cũng như cách tiếp cận theo toàn bộ chuỗi giá trị yêu cầu các doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ hơn với các đối tác trong chuỗi cung ứng, logistic và sau bán hàng. Tuy vậy, xu hướng chuyển dịch của doanh nghiệp theo hướng tuần hoàn là không thể tránh khỏi do các yêu cầu từ chính sách, áp lực từ nhà đầu tư và khách hàng. Điều này nhấn mạnh tính cần thiết của các công cụ giám sát và hỗ trợ đổi mới tuần hoàn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp từng bước đổi mới mô hình kinh doanh cũng như áp dụng các bước tuần hoàn hóa trong các công đoạn của chuỗi giá trị.

Thỏa thuận Biến đổi khí hậu Paris (COP21) được tái khẳng định tại Hội nghị biến đổi khí hậu COP26 đã làm rõ rằng các chính phủ cần có những hành động cụ thể hơn, cam kết hơn và mạnh mẽ hơn để giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu. Tại hội nghị COP26, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra cam kết đưa lượng khí thải ròng về mức 0% vào năm 2050. Cam kết này sẽ giúp mở ra các cơ hội hợp tác mới về tăng trưởng phát thải thấp, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn và nền kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong số nhiều chính sách của Chính phủ Việt Nam hướng tới mục tiêu đã cam kết này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 -2025".

Để đạt được mục tiêu đã cam kết, chắc chắn cần sự hợp tác và tham gia tích cực của nhiều bên liên quan, trong đó vai trò của khu vực kinh tế tư nhân là hết sức cần thiết.

Trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh của khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Chủ dự án đã phát triển bộ công cụ đánh giá hoạt động kinh doanh bền vững. Bộ công cụ sẽ giúp các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có thể tự đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững theo các khung và các mô hình khác nhau, tùy theo nhu cầu theo đuổi và thực hành một mô hình cụ thể của từng doanh nghiệp.

Sổ tay này sẽ giới thiệu và hướng dẫn Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn (Sau đây gọi là Công cụ đánh giá KTTH). Các tiêu chí được đưa vào Công cụ đánh giá KTTH này ở mức độ cơ bản, phù hợp với mức độ phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, mà 90% trong đó là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời cung cấp cho các doanh nghiệp những hiểu biết cơ bản nhất về thực hành nguyên tắc KTTH trong doanh nghiệp, để từ đó, các doanh nghiệp có thể sẵn sàng hơn cho việc thực hành theo các khung đánh giá có mức độ chuyên sâu và tiêu chí cao hơn mà các nhà đầu tư, các thị trường có thể đòi hỏi. Từ góc độ Chính phủ, kết quả đánh giá mức độ kinh doanh bền vững theo công cụ này sẽ giúp cung cấp thông tin ban đầu cho Chính phủ trong quá trình đánh giá, lựa chọn các doanh nghiệp được nhận hỗ trợ của Chính phủ trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 -2025 được ban hành theo Quyết định số 167/QĐ-TTg.

Công cụ đánh giá KTTH được xây dựng có tham khảo (i) Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững 2021 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, (ii) công cụ Circulytics của Ellen MaArthur Foundation, (iii) Bộ công cụ đánh giá mức độ phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (GRI), (iv) Công cụ Circularity Check được phát triển trong khuôn khổ dự án Ecopreneur.

Nhóm chuyên gia tham gia xây dựng công cụ gồm: Tiến sỹ Nguyễn Phương Nam, chuyên gia chính và Thạc sỹ Nguyễn Minh Huệ hỗ trợ; cùng các chuyên gia độc lập tham gia góp ý hoàn thiện công cụ.

PHẦN I: LÝ THUYẾT

1. Các khái niệm/thuật ngữ

Các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn về KTTH được sử dụng trong sổ tay dưới đây được sử dụng trong Công cụ đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn của doanh nghiệp tại Việt Nam. Các khái niệm, thuật ngữ này sẽ được làm rõ sau đây để doanh nghiệp hiểu biết rõ ràng về các khía cạnh được đánh giá trong công cụ và đưa ra câu trả lời phản ánh tốt nhất hiện trạng của doanh nghiệp trong việc áp dụng KTTH.


Kinh tế tuần hoàn

Khái niệm KTTH gắn kết chặt chẽ với hiệu quả sinh thái và nguyên tắc cradle-to-cradle. Hiệu quả sinh thái nghĩa là sử dụng ít tài nguyên và vật liệu cũng như thải bỏ ít hơn nhưng sản xuất nhiều sản phẩm hoặc cung cấp nhiều dịch vụ hơn. Nguyên tắc cradle-to-cradle xem xét toàn bộ vòng đời của sản phẩm qua các công đoạn sản xuất, sử dụng, và thải bỏ, qua đó tạo ra các vật liệu có thể được sử dụng và tái sử dụng liên tục và không giảm chất lượng theo hướng upcycling.

Khác với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống với các công đoạn khai thác-sản xuất-sử dụng-thải bỏ (take-make-use-dispose) vốn phụ thuộc rất nhiều vào nhiên liệu hóa thạch, mô hình kinh tế tuần hoàn cung cấp các giải pháp khả thi về mặt kinh tế để liên tục tái sử dụng vật liệu và sản phẩm cũng như sử dụng các tài nguyên tái tạo.

Các biểu hiện cụ thể của KTTH trong doanh nghiệp được chi tiết hóa trong bảng sau.

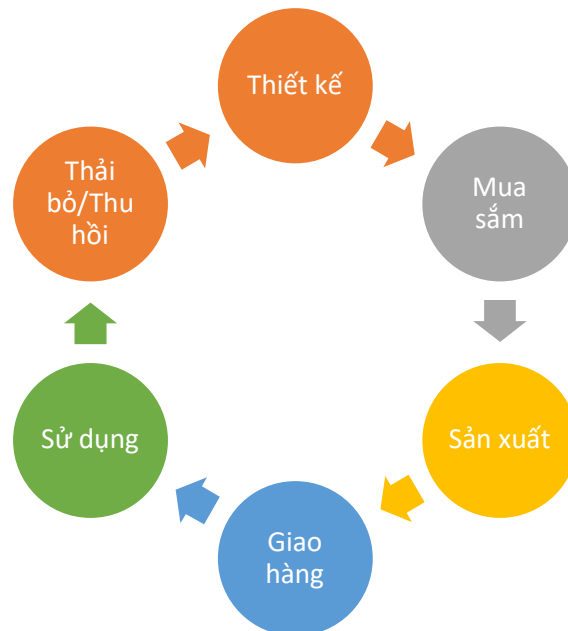
	Đầu vào tuần hoàn	Sản phẩm có độ bền cao	Thiết kế sản phẩm có độ bền cao và dễ sửa chữa (VD: thiết kế dạng module)
		Nguyên vật liệu tuần hoàn	Sử dụng các vật liệu có thể tái chế được trong sản xuất (VD: vật liệu hữu cơ và vật liệu tái tạo, năng lượng tái tạo ...)
	Kinh tế chia sẻ	Chia sẻ	Phát triển các giải pháp để tăng cường sử dụng công suất (VD: industrial symbiosis)
	Cung cấp sản phẩm như một dịch vụ	Cung cấp sản phẩm như một dịch vụ	Cung cấp cho khách hàng quyền sử dụng một sản phẩm thông qua phí đăng ký hoặc phí dựa trên số lần sử dụng
	Kéo dài tuổi đời sản phẩm	Sửa chữa và bảo trì	Cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì để kéo dài tuổi thọ của sản phẩm
		Nâng cấp	Cải thiện hiệu suất của sản phẩm thông qua nâng cấp các bộ phận
		Bán lại	Bán lại sản phẩm trên thị trường hàng hóa qua sử dụng

		Sản xuất lại	Thu hồi, phục hồi và cải thiện các chức năng nguyên bản của sản phẩm và đưa ra thị trường với giá thấp hơn
	Thu hồi tài nguyên	Tái chế/upcycle	Thu gom, thu hồi vật liệu từ các sản phẩm đã qua sử dụng, tái sử dụng trong sản xuất
		Thu hồi	Hoàn trả các vật liệu và bộ phận thải bỏ

Vòng đời sản phẩm và Đánh giá vòng đời sản phẩm (Life Cycle Assessment)

Vòng đời của sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị bắt đầu từ công đoạn Khai thác tài nguyên và kết thúc bằng Thải bỏ trong mô hình kinh tế tuyến tính thông thường (take-make-disposal). Khi xem xét một doanh nghiệp riêng lẻ, vòng đời của sản phẩm bắt đầu từ công đoạn Thiết kế và cũng kết thúc bằng Thải bỏ. Trong mô hình kinh tế tuần hoàn, công đoạn Thải bỏ được thay thế bằng Thu hồi vật liệu, sau đó các vật liệu đó được đưa trở lại một vòng đời mới. Chu trình khép kín được lặp đi lặp lại nhiều lần đó sẽ giúp tối ưu hóa vật liệu, giảm tiêu hao tài nguyên thiên nhiên cũng như giảm chất thải ra môi trường (Closing the loop).

Hình 1: Vòng đời sản phẩm



Đánh giá vòng đời (LCA) là phương pháp phân tích được sử dụng để đánh giá tất cả các tác động môi trường liên quan đến mọi giai đoạn của vòng đời sản phẩm. Điều này bao gồm khai thác nguyên liệu thô đến giai đoạn chế biến, sản xuất, phân phối, sử dụng, thải bỏ hay tái sử dụng. Đánh giá vòng đời giúp doanh nghiệp hiểu được tác động môi trường của sản phẩm/dịch vụ mà mình cung cấp, từ đó thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động này.

Tái chế và Tái sử dụng

Tái sử dụng liên quan đến việc sử dụng một sản phẩm nhiều lần trước khi loại bỏ nó, trong khi tái chế liên quan đến việc chia nhỏ và xử lý vật liệu để đưa trở lại làm đầu vào cho sản xuất. Việc tái sử dụng các vật phẩm sẽ tiết kiệm nhiều năng lượng và tài nguyên hơn là tái chế, vì các quy trình tái chế có thể tiêu tốn nhiều năng lượng. Ngoài ra, việc tái chế cũng gây ra thất thoát vật liệu, do rất ít vật liệu có thể tái chế và giữ lại toàn bộ giá trị.

Ở đây chúng ta cần làm rõ nguyên tắc KTTH không đồng nghĩa với tái chế, và việc tái chế là giải pháp cuối cùng sau khi Giảm thiểu – Tái sử dụng (Reduce – Reuse – Recycle). Đối với doanh nghiệp, điều này có nghĩa là doanh nghiệp nên tối ưu hóa nguyên nhiên vật liệu, sau đó mới tiến tới Tái sử dụng và cuối cùng là Tái chế.

2. Quy trình đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH của doanh nghiệp

Quy trình đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH của doanh nghiệp áp dụng cách tiếp cận theo chuỗi giá trị, nghĩa là doanh nghiệp có thể tự đánh giá về mức độ áp dụng KTTH của mình trong lần lượt các khâu Xây dựng tầm nhìn và năng lực – Thiết kế sản phẩm – Thực hiện mua sắm – Sản xuất – Giao hàng – Khách hàng sử dụng sản phẩm – Thu hồi.

Bước 1: Đánh giá tầm nhìn và năng lực áp dụng KTTH của doanh nghiệp

Bước 1 giúp đánh giá liệu doanh nghiệp đã lồng ghép KTTH vào tầm nhìn của mình hay chưa cũng như đã có các sự chuẩn bị cần thiết về mặt nhân lực để áp dụng các thực hành KTTH hay chưa. Đây là bước đầu tiên doanh nghiệp cần thực hiện khi muốn áp dụng các nguyên tắc KTTH trong mô hình kinh doanh của mình, trước khi thực sự áp dụng KTTH trong các công đoạn của vòng đời sản phẩm.

Bảng 1: Các câu hỏi của Nhóm tiêu chí 1 - Đánh giá tầm nhìn và năng lực áp dụng KTTH của doanh nghiệp

Nhóm tiêu chí 1: Tầm nhìn và năng lực của doanh nghiệp
Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có đề cập đến áp dụng Kinh tế tuần hoàn (KTTH) không?
Doanh nghiệp đã có đề ra các mục tiêu cụ thể về KTTH trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không?
Doanh nghiệp đã có kế hoạch thực hiện KTTH chưa?
Doanh nghiệp có từng bị xử lý vì vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường trong 2 năm gần đây không?
Doanh nghiệp có thực hiện đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) để đánh giá tác động môi trường tổng thể không?
Doanh nghiệp đã cử nhân viên tham gia/đăng ký các chương trình đào tạo, khóa học về KTTH không?
Doanh nghiệp có cán bộ chuyên trách về môi trường (tốt nghiệp bậc Cử nhân trở lên chuyên ngành môi trường) không?

Bước 2: Đánh giá mức độ áp dụng KTTH trong công đoạn tiền sản xuất (thiết kế - mua sắm) và sản xuất

Bắt đầu từ bước 2, doanh nghiệp có thể tự đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH trong từng công đoạn của vòng đời sản phẩm. Bước 2 bao gồm các câu hỏi liên quan đến các thực hành KTTH trong thiết kế - mua sắm (tiền sản xuất) và sản xuất. Nhóm tiêu chí 2 bao gồm 8 câu hỏi cho công đoạn thiết kế sản phẩm, 6 câu hỏi cho công đoạn mua sắm và 5 câu hỏi cho công đoạn sản xuất. Các câu hỏi đề cập đến nhiều biểu hiện khác nhau của KTTH như thiết kế tuần hoàn, tối ưu hóa công năng, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm sử dụng các hóa chất độc hại, giảm thất thoát vật liệu, tái sử dụng nước thải và tối ưu hóa năng lượng... Tất cả các thực hành này giúp giảm thiểu tác động môi trường của sản phẩm/dịch vụ mà doanh nghiệp đưa vào thị trường.

Bảng 2: Danh mục câu hỏi của Nhóm tiêu chí 2

Nhóm tiêu chí 2: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong công đoạn sản xuất và tiền sản xuất
Nhóm tiêu chí 2.1: Thiết kế
Doanh nghiệp có đề ra mục tiêu định lượng về tỷ lệ thành phần của sản phẩm có thể được tái chế/tái sử dụng không?
Các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đã có được thiết kế theo hướng tuần hoàn không?
Thành phần của các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp có chứa hóa chất thuộc danh mục chất bị cấm không? (Tham khảo danh mục các hóa chất bị cấm trong Phụ lục 3)
Sản phẩm và/hoặc bao bì sản phẩm của doanh nghiệp có chứa các hóa chất độc hại thuộc danh mục Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP không? (Tham khảo danh mục các hóa chất hạn chế trong Phụ lục 4)
Sản phẩm của doanh nghiệp đã có được thiết kế theo hướng tối ưu hóa công năng để đảm bảo sản phẩm có tính đa dụng, đa năng chưa?
Sản phẩm có được thiết kế theo hướng kéo dài tuổi đời sử dụng và có thể được sử dụng nhiều lần không?
Sản phẩm có được thiết kế theo hướng dễ tháo rời, dễ tái chế/tái sử dụng không?
Sản phẩm này có được thiết kế theo hướng tối ưu hóa hiệu suất sử dụng hoặc tiêu thụ năng lượng (ví dụ có biến tần, công nghệ ánh sáng lạnh...) không?
Nhóm tiêu chí 2.2: Mua sắm
Doanh nghiệp có thực hành mua sắm xanh không?
Doanh nghiệp có lựa chọn các nguyên vật liệu có khả năng tái chế/tái sử dụng được không?
Tỷ trọng vật liệu (tính theo khối lượng) cấu thành sản phẩm có thể tái chế
Tỷ trọng vật liệu (tính theo khối lượng) cấu thành sản phẩm có thể tái sử dụng
Tỷ trọng thành phần bao bì từ các nguồn vật liệu tái chế hoặc tái sử dụng
Sản phẩm có sử dụng các nguyên liệu hiếm không? (Danh mục nguyên liệu hiếm xin tham khảo Phụ lục 4)
Nhóm tiêu chí 2.3: Sản xuất
Tỷ trọng (theo khối lượng) vật liệu bị thất thoát trong quá trình sản xuất trong năm trước đó là bao nhiêu?
Doanh nghiệp có tái sử dụng được nước thải sau khi xử lý không?
Tỷ lệ tái sử dụng nước thải của doanh nghiệp trong năm trước năm đánh giá là bao nhiêu?

Doanh nghiệp có hệ thống quản lý năng lượng không?

Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp đã sử dụng bao nhiêu % năng lượng từ năng lượng tái tạo trong sản xuất ra sản phẩm/dịch vụ?

Nhóm tiêu chí 2 có số câu hỏi nhiều nhất cũng như có trọng số lớn nhất trong 3 nhóm tiêu chí.

Bước 3: Đánh giá mức độ áp dụng KTTT trong công đoạn sau bán hàng (giao hàng – sử dụng – thu hồi)

Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sản phẩm không dừng lại ở công đoạn sản xuất. Trong xu thế toàn cầu về kinh doanh bền vững, trách nhiệm của doanh nghiệp được mở rộng ra các công đoạn giao hàng – sử dụng – thu hồi sản phẩm thải bỏ. Bước 3 giúp đánh giá xem doanh nghiệp đã áp dụng các thực hành tuần hoàn trong quá trình vận chuyển sản phẩm đến tay người dùng, các dịch vụ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp có các chương trình thu hồi sản phẩm thải bỏ để tái chế, tái sử dụng, hoặc xử lý theo đúng quy định nhằm giảm thiểu chất thải (nguy hại) ra môi trường. Trong Nhóm tiêu chí 3, những đánh giá về chính sách thu hồi sản phẩm của doanh nghiệp có vai trò quan trọng nhất, nhất là trong bối cảnh các quy định mới về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất được giới thiệu trong Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Bảng 3: Danh mục câu hỏi của Nhóm tiêu chí 3

Nhóm tiêu chí 3: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong công đoạn sau bán hàng
Nhóm tiêu chí 3.1: Giao hàng
Doanh nghiệp sử dụng bao nhiêu % năng lượng là năng lượng tái tạo trong hoạt động giao hàng?
Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp đã tái chế/tái sử dụng bao nhiêu % các vật liệu tiêu hao, công cụ để phục vụ vận chuyển và giao hàng?
Nhóm tiêu chí 3.2: Sử dụng
Doanh nghiệp có cung cấp/hỗ trợ dịch vụ sửa hoặc bảo trì sản phẩm sau khi bán hàng không?
Doanh nghiệp có cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm/bao bì trên nhãn mác sản phẩm theo quy định tại Nghị định 111/2021/NĐ-CP và Nghị định 43/2017/NĐ-CP không?
Nhóm tiêu chí 3.3: Thu hồi
Doanh nghiệp có kế hoạch để tái chế sản phẩm được thu hồi sau khi khách hàng sử dụng không?
Doanh nghiệp có giải pháp để khách hàng tiếp tục tái sử dụng sản phẩm đó sau được doanh nghiệp tái chế không?
Doanh nghiệp có hệ thống quản lý thu hồi hoặc thu gom sản phẩm hoặc phần thải bỏ của sản phẩm để tái chế không?
Doanh nghiệp có số liệu thống kê theo dõi tỷ lệ tái chế sản phẩm của mình không?
Doanh nghiệp có công bố các hướng dẫn tái chế sản phẩm hoặc phần thải bỏ của sản phẩm sau khi sử dụng không?
Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp thu hồi bao nhiêu % sản phẩm và bao bì (để tái chế, tái sử dụng, sửa chữa, tái sản xuất, bán lại để tái chế, trực tiếp xử lý bằng biện pháp sinh học như hầm ủ khí sinh học hoặc làm phân bón vi sinh compost...)?
Đối với các thành phần của sản phẩm sau sử dụng được đem đi tái chế, doanh nghiệp có đánh giá rủi ro sức khỏe và môi trường của các vật liệu tái chế không?

Sản phẩm và bao bì sản phẩm có chứa vi nhựa hoặc nhựa không tự phân hủy không?

Doanh nghiệp có biện pháp ngăn ngừa hạt vi nhựa hoặc nhựa không tự phân hủy khi bị thải bỏ ra môi trường không?

Bước 4: Tổng hợp kết quả và đánh giá

Bước 4 giúp tổng hợp kết quả chấm điểm 3 nhóm tiêu chí với thang điểm tối đa như sau

Nhóm tiêu chí	Điểm tối đa
Nhóm tiêu chí 1: Tầm nhìn và chiến lược của doanh nghiệp	20
Nhóm tiêu chí 2: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong sản xuất và tiền sản xuất	50
<i>Nhóm tiêu chí 2.1: Thiết kế</i>	<i>13</i>
<i>Nhóm tiêu chí 2.2: Mua sắm</i>	<i>21</i>
<i>Nhóm tiêu chí 2.3: Sản xuất</i>	<i>16</i>
Nhóm tiêu chí 3: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong dịch vụ sau bán hàng	30
<i>Nhóm tiêu chí 3.1: Giao hàng</i>	<i>9</i>
<i>Nhóm tiêu chí 3.2: Sử dụng</i>	<i>3</i>
<i>Nhóm tiêu chí 3.3: Thu hồi</i>	<i>21</i>
Tổng điểm	100

Như có thể thấy, Nhóm tiêu chí 2 có trọng số lớn nhất trong 3 ba nhóm tiêu chí, sau đó là Nhóm tiêu chí 3. Mức điểm tối đa trong 2 nhóm tiêu chí tiền sản xuất (2.1 và 2.2) cho thấy doanh nghiệp cần áp dụng nguyên tắc KTTH ngay từ những bước đầu của vòng đời sản phẩm thay vì chỉ thực hiện KTTH trong công đoạn sản xuất. Tương tự, mức điểm tối đa của Nhóm tiêu chí 3.3 – Thu hồi cũng phản ánh tầm quan trọng về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc thu hồi các sản phẩm thải bỏ để thực hiện tái sử dụng/tái chế/xử lý đúng quy cách nhằm giảm thiểu tác động đối với môi trường.

Dựa trên tổng điểm (được xây dựng trên thang điểm 100), doanh nghiệp sẽ được xếp loại về mức độ áp dụng KTTH như sau:

(1) Loại C đối với các doanh nghiệp có mức điểm tự đánh giá dưới 50 điểm

Mức điểm này phản ánh một cách tương đối rằng doanh nghiệp **chưa có tầm nhìn và kế hoạch áp dụng nguyên tắc tuần hoàn**. Để cải thiện, doanh nghiệp cần (i) điều chỉnh mô hình kinh doanh, quy trình sản xuất, lồng ghép nhiều thực hành áp dụng nguyên tắc tuần hoàn hơn; (ii) nên tham gia các chương trình tư vấn đổi mới sáng tạo, đổi mới sáng tạo ... để nâng cao năng lực

(2) Loại B đối với các doanh nghiệp có mức điểm tự đánh giá từ 50 đến 80 điểm

Mức điểm này phản ánh một cách tương đối rằng doanh nghiệp **đã áp dụng tuần hoàn trong một số công đoạn** và **đã có kế hoạch chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn**. Doanh nghiệp có thể liên kết với các doanh nghiệp khác trong chuỗi cung ứng, chuỗi dịch vụ để cùng phối hợp chuyển dịch áp dụng nguyên tắc tuần hoàn. Doanh nghiệp có thể tiếp cận với dự án IPSC để nhận được các hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật để đẩy mạnh áp dụng và thí điểm các thực hành tuần hoàn trong doanh nghiệp, cũng như bước đầu tiếp cận với các gói cho vay để thí điểm và hiện đại hóa quy trình sản xuất áp dụng tuần hoàn chuyên sâu.

(3) Loại A đối với các doanh nghiệp có mức điểm tự đánh giá trên 80 điểm

Mức điểm này phản ánh một cách tương đối rằng doanh nghiệp **đã áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong nhiều công đoạn** trong suốt chuỗi giá trị. Doanh nghiệp có chiến lược và kế hoạch rõ ràng nhằm chuyển đổi sang mô hình kinh doanh tuần hoàn. Doanh nghiệp có tiềm năng tạo ra tác động tích cực đối với xu hướng chuyển dịch tuần hoàn trong toàn bộ chuỗi giá trị mà doanh nghiệp tham gia. Doanh nghiệp có thể cân nhắc đăng ký các chứng chỉ quốc tế về tuần hoàn (Cradle-2-Cradle certificate) để nâng cao thương hiệu, tăng khả năng tiếp cận với các nguồn tài chính xanh, các gói hỗ trợ quốc tế về tuần hoàn, đổi mới sáng tạo.

PHẦN II: THỰC HÀNH SỬ DỤNG CÔNG CỤ

1. Hướng dẫn sử dụng Công cụ

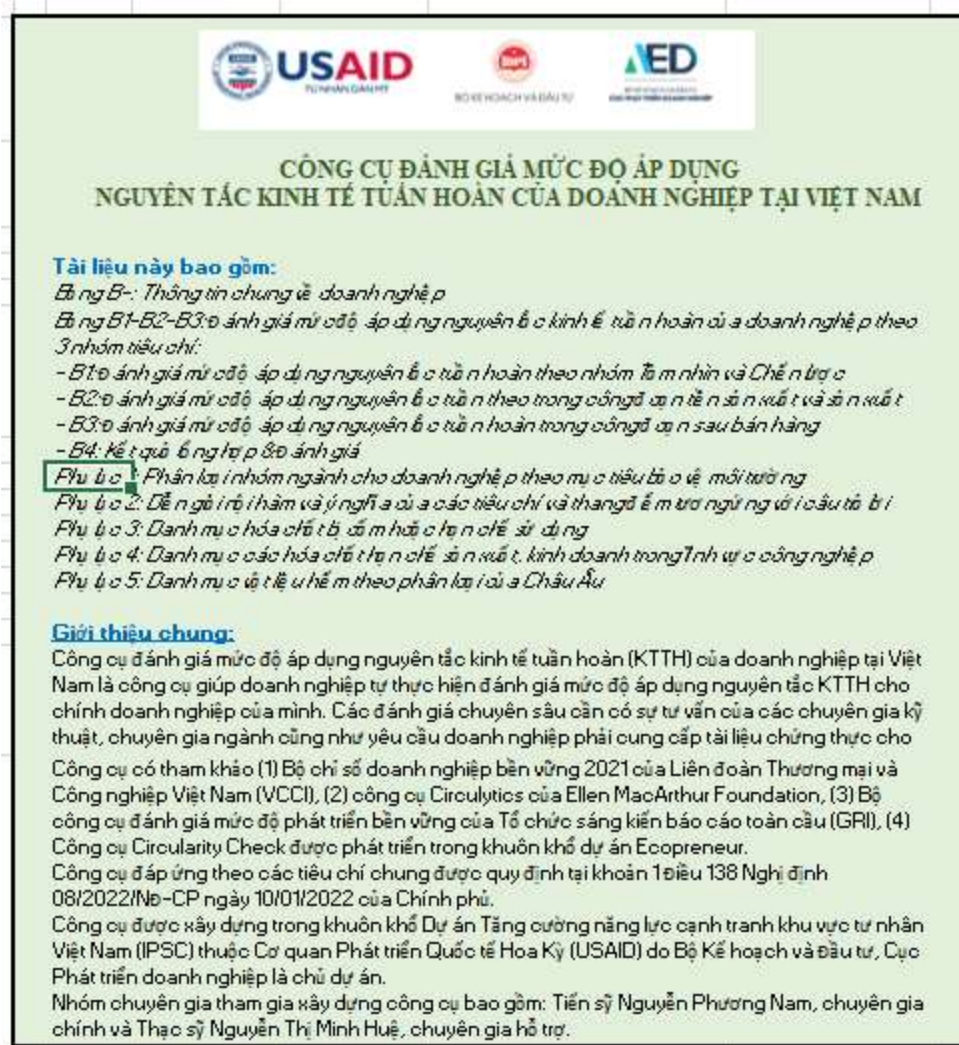
Trọng tâm của Phần II này là hướng dẫn chi tiết cách sử dụng Công cụ đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH để doanh nghiệp có thể thực hiện tự đánh giá.

Cấu trúc của Công cụ bao gồm:

- Phần Giới thiệu

Phần giới thiệu khái quát qua về cấu trúc của Công cụ cũng như bao gồm một tóm lược ngắn gọn về công cụ.

Hình 2: Minh họa phần giới thiệu của Công cụ



Bảng 0: Thông tin chung về doanh nghiệp

Bảng 0 bao gồm các thông tin cơ bản về doanh nghiệp như tên doanh nghiệp, loại hình đăng ký kinh doanh, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quy mô doanh nghiệp (dựa trên số lượng lao động), thông tin liên hệ và người thực hiện đánh giá. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh (mục B11) sẽ dựa trên Phụ lục 1 - Phân loại nhóm ngành doanh nghiệp theo mục tiêu bảo vệ môi trường. Bảng 1 bao gồm 16 câu hỏi như sau:

Bảng 4: Các hạng mục thông tin doanh nghiệp trong Bảng 0

Mã câu hỏi	Câu hỏi
B1	Tên doanh nghiệp:
B2	Mã số thuế:
B3	Năm thành lập:
B4	Địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh chính:
B5	Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
B6	Các địa điểm cơ sở sản xuất khác (nếu có) được đặt tại địa bàn các địa phương:
B7	Loại hình đăng ký (bao gồm các lựa chọn)
B8	Thông tin lao động (bao gồm một số chỉ tiêu chi tiết)
B9	Sự tham gia của nữ giới trong công tác lãnh đạo điều hành doanh nghiệp (bao gồm các chú giải chi tiết)
B11	Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp (xem Phụ lục 1 - Phân loại doanh nghiệp theo nhóm ngành)
B12	Năm bắt đầu triển khai nguyên tắc kinh tế tuần hoàn (nếu đã triển khai):
B13	Địa chỉ website:
B14	Thông tin 01 lãnh đạo doanh nghiệp (để liên hệ):
B15	Ngày thực hiện đánh giá:
B16	Người thực hiện đánh giá và các thông tin cá nhân liên quan
Lưu ý: Doanh nghiệp nên cung cấp thêm sơ đồ tổ chức, các thông tin liên đến cơ cấu quản trị, cách thức quản trị và phương thức đưa ra các quyết định quản lý của doanh nghiệp kèm bản khai Hồ sơ	

Bảng 1: Nhóm tiêu chí 1 đánh giá tầm nhìn và năng lực áp dụng KTTH của doanh nghiệp

Bảng 1 được liên kết với Phụ lục 2 - Danh sách các tiêu chí và các phương án trả lời. Các phương án trả lời đã được tích hợp sẵn trong cột C để doanh nghiệp lựa chọn, giúp chuẩn hóa câu trả lời cũng như chuẩn hóa mức điểm. Mỗi câu hỏi có thể bao gồm 2 phương án trả lời hoặc nhiều hơn. Khi doanh nghiệp lựa chọn câu trả lời trong cột C, ô tương ứng trong cột D sẽ tự động tính toán mức điểm tương đương với câu trả lời đó. Doanh nghiệp không cần phải tự điền mức điểm, tránh gây sai sót.

Một ví dụ về cách điền thông tin vào Bảng 1 được minh họa dưới đây:

Hình 3: Minh họa cách điền thông tin vào Bảng 1 - Nhóm tiêu chí 1

Mã câu hỏi	Nhóm tiêu chí 1: Tầm nhìn và chiến lược của doanh nghiệp	Lựa chọn câu trả lời phù hợp nhất	Điểm tối đa: 20/20
B1	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có đề cập đến áp dụng Kinh tế tuần hoàn (KTTH) không?	B- Chiến lược kinh doanh đã có đề cập đến một số khái niệm liên quan (Ví dụ: tuần hoàn vật liệu, hiệu quả tài nguyên...)	2
B2	Doanh nghiệp đã có đề ra các mục tiêu cụ thể về KTTH trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không?	C- Đã có đề ra các mục tiêu chung nhưng chưa phải là mục tiêu định lượng	2
B3	Doanh nghiệp đã có kế hoạch thực hiện KTTH chưa?	A- Chưa có	0
B4	Doanh nghiệp có từng bị xử lý vì vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường trong 2 năm gần đây không?	B- Không	4
B5	Doanh nghiệp có thực hiện đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) để đánh giá tác động môi trường tổng thể không?	B- Không	0
B6	Doanh nghiệp đã cử nhân viên tham gia/đăng ký các chương trình đào tạo, khóa học về KTTH không?	C- Chưa từng cử nhân viên tham gia/đăng ký khóa học nào	0
B7	Doanh nghiệp có cán bộ chuyên trách về môi trường (tốt nghiệp bậc Cử nhân trở lên chuyên ngành môi trường) không?	A- Có	1

Bảng 2: Nhóm tiêu chí 2 đánh giá mức độ áp dụng KTTH trong các công đoạn tiền sản xuất (thiết kế - mua sắm) và sản xuất

Tương tự như Bảng 1, doanh nghiệp có thể lựa chọn các phương án được tích hợp sẵn trong cột C và nhận điểm mức điểm tương ứng trong cột D. Đối với các câu hỏi định lượng cụ thể, doanh nghiệp cần đưa ra các báo cáo để chứng minh cho câu trả lời của mình. Trong trường hợp không thể cung cấp báo cáo chi tiết, doanh nghiệp có thể cung cấp phương pháp ước lượng để đi đến câu trả lời.

Hình dưới đây minh họa cách điền Bảng 2.

Hình 4: Minh họa cách điền thông tin vào Bảng 2 - Nhóm tiêu chí 2

Mã câu hỏi	Nhóm tiêu chí 2: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong công đoạn sản xuất và tiền sản xuất	Lựa chọn câu trả lời phù hợp nhất	Điểm tối đa 50/50
C	Nhóm tiêu chí 2.1: Thiết kế		21
C1	Doanh nghiệp có đề ra mục tiêu định lượng về tỷ lệ thành phần của sản phẩm có thể được tái chế/tái sử dụng?	B- Không	0
C2	Các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đã có được thiết kế theo hướng tuần hoàn không?	B- Không	0
C3	Thành phần của các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp có chứa hóa chất thuộc danh mục chất bị cấm không? (Tham khảo danh mục các hóa chất bị cấm trong Phụ lục 3)	B- Không	2
C4	Sản phẩm và/hoặc bao bì sản phẩm của doanh nghiệp có chứa các hóa chất độc hại thuộc danh mục Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP không? (Tham khảo danh mục các hóa chất hạn chế trong Phụ lục 4)	A- Không	4
C5	Sản phẩm của doanh nghiệp đã có được thiết kế theo hướng tối ưu hóa công năng để đảm bảo sản phẩm có tính đa dụng, đa năng chưa?	B- Không	0
C6	Sản phẩm có được thiết kế theo hướng kéo dài tuổi đời sử dụng và có thể được sử dụng nhiều lần không?	B- Không	0
C7	Sản phẩm có được thiết kế theo hướng dễ tháo rời, dễ tái chế/tái sử dụng không?	B- Không	0
C8	Sản phẩm này có được thiết kế theo hướng tối ưu hóa hiệu suất sử dụng hoặc tiêu thụ năng lượng (ví dụ có biến tần, công nghệ ánh sáng lạnh...) không?	B- Không	0
D	Nhóm tiêu chí 2.2: Mua sắm		7
D1	Doanh nghiệp có thực hành mua sắm xanh không?	B- Có, doanh nghiệp lựa chọn các nhà cung ứng có các chứng chỉ/chiêu chuẩn mục công bố và phát triển bền vững nói chung (ví dụ công bố ESG)	1
D2	Doanh nghiệp có lựa chọn các nguyên vật liệu có khả năng tái chế/tái sử dụng được không?	A- Có	2
D3	Tỷ trọng vật liệu (tính theo khối lượng) cấu thành sản phẩm có thể tái chế	A- Dưới 25%	0
D4	Tỷ trọng vật liệu (tính theo khối lượng) cấu thành sản phẩm có thể tái sử dụng	B- Trong khoảng 25% - 49%	2
D5	Tỷ trọng thành phần bao bì từ các nguồn vật liệu tái chế hoặc tái sử dụng	C- Trong khoảng 50% - 74%	2
D6	Sản phẩm có sử dụng các nguyên liệu hiếm không? (Danh mục nguyên liệu hiếm xin tham khảo Phụ lục 4)	A- Có	0
E	Nhóm tiêu chí 2.3: Sản xuất		8
E1	Tỷ trọng (theo khối lượng) vật liệu bị thất thoát trong quá trình sản xuất trong năm trước đó là bao nhiêu?	B- Trong khoảng 10% - 30%	2
E2	Doanh nghiệp có tái sử dụng được nước thải sau khi xử lý không?	A- Có	2
E3	Tỷ lệ tái sử dụng nước thải của doanh nghiệp trong năm trước năm đánh giá là bao nhiêu?	B- Trong khoảng 10% - 30%	2
E4	Doanh nghiệp có hệ thống quản lý năng lượng không?	A- Có	2
E5	Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp đã sử dụng bao nhiêu % năng lượng từ năng lượng tái tạo trong sản xuất ra sản phẩm/dịch vụ?	A- Dưới 25%	0

Bảng 3: Nhóm tiêu chí 3 đánh giá mức độ áp dụng KTTH trong các công đoạn sau bán hàng (giao hàng – sử dụng - thu hồi)

Bảng 3 có cấu trúc và cách sử dụng tương tự như Bảng 1 và Bảng 2. Bảng 3 cũng bao gồm một số câu hỏi định lượng đòi hỏi doanh nghiệp phải cung cấp các số liệu chứng thực hoặc phương pháp ước tính trong trường hợp không có số liệu chính xác.

Hình 5: Minh họa cách điền thông tin vào Bảng 3 - Nhóm tiêu chí 3

Mã câu hỏi	Nhóm tiêu chí 3: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong công đoạn sau bán hàng	Lựa chọn câu trả lời phù hợp nhất	Điểm tối đa 30/30
F	Nhóm tiêu chí 3.1: Giao hàng		2
F1	Doanh nghiệp sử dụng bao nhiêu % năng lượng là năng lượng tái tạo trong hoạt động giao hàng?	A- Dưới 25%	0
F2	Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp đã tái chế/tái sử dụng bao nhiêu % các vật liệu tiêu hao, công cụ để phục vụ vận chuyển và giao hàng?	C- Trong khoảng 50% -74%	2
G	Nhóm tiêu chí 3.2: Sử dụng		1
G1	Doanh nghiệp có cung cấp/hỗ trợ dịch vụ sửa hoặc bảo trì sản phẩm sau khi bán hàng không?	B- Có, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo trì sản phẩm trong suốt thời gian bảo hành	1
G2	Doanh nghiệp có cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm/bao bì trên nhãn mác sản phẩm theo quy định tại Nghị định 111/2021/NĐ-CP và Nghị định 43/2017/NĐ-CP không?	A- Có	0
H	Nhóm tiêu chí 3.3: Thu hồi		4
H1	Doanh nghiệp có kế hoạch để tái chế sản phẩm được thu hồi sau khi khách hàng sử dụng không?	B- Không	0
H2	Doanh nghiệp có giải pháp để khách hàng tiếp tục tái sử dụng sản phẩm đó sau được doanh nghiệp tái chế không?	B- Không	0
H3	Doanh nghiệp có hệ thống quản lý thu hồi hoặc thu gom sản phẩm hoặc phân thải bỏ của sản phẩm để tái chế không?	B- Không	0
H4	Doanh nghiệp có số liệu thống kê theo dõi tỷ lệ tái chế sản phẩm của mình không?	B- Không	0
H5	Doanh nghiệp có công bố các hướng dẫn tái chế sản phẩm hoặc phân thải bỏ của sản phẩm sau khi sử dụng không?	A- Có	2
H6	Trong năm ngay trước năm đánh giá, doanh nghiệp thu hồi bao nhiêu % sản phẩm và bao bì (để tái chế, tái sử dụng, sửa chữa, tái sản xuất, bán lại để tái chế, trực tiếp xử lý bằng biện pháp sinh học như ủ khí sinh học hoặc làm phân bón vi sinh compost...)?	A- Dưới 10%	0
H7	Đối với các thành phần của sản phẩm sau sử dụng được đem đi tái chế, doanh nghiệp có đánh giá rủi ro sức khỏe và môi trường của các vật liệu tái chế không?	B- Không	0
H8	Sản phẩm và bao bì sản phẩm có chứa vi nhựa hoặc nhựa không tự phân hủy không?	B- Không	2
H9	Doanh nghiệp có biện pháp ngăn ngừa hạt vi nhựa hoặc nhựa không tự phân hủy khi bị thải bỏ ra môi trường không?	A- Không	0

Bảng 4: Tổng hợp kết quả và đánh giá

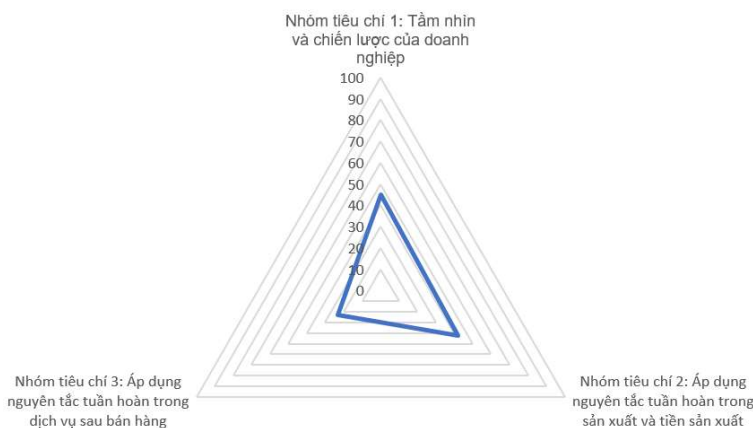
Bảng 4 tổng hợp mức điểm đạt được từ hoạt động tự đánh giá của doanh nghiệp, phân loại theo từng nhóm tiêu chí cũng như mức tổng điểm đạt được. Doanh nghiệp không cần điền thông tin vào Bảng 4 và Bảng 4 cũng bị khóa để tránh các tác động ảnh hưởng đến kết quả tổng hợp. Bảng 4 cũng đưa ra 3 mức xếp loại và khuyến nghị đi kèm giúp doanh nghiệp đưa ra các kế hoạch phù hợp để cải thiện kết quả của mình và đẩy mạnh hơn nữa các thực hành KTTH.

Hình 6: Minh họa bảng kết quả tổng hợp tại Bảng 4

Nhóm tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Điểm tối đa
Nhóm tiêu chí 1: Tầm nhìn và chiến lược của doanh nghiệp	9	20
Nhóm tiêu chí 2: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong sản xuất và tiền sản xuất	21	50
<i>Nhóm tiêu chí 2.1: Thiết kế</i>	<i>6</i>	<i>13</i>
<i>Nhóm tiêu chí 2.2: Mua sắm</i>	<i>7</i>	<i>21</i>
<i>Nhóm tiêu chí 2.3: Sản xuất</i>	<i>8</i>	<i>16</i>
Nhóm tiêu chí 3: Áp dụng nguyên tắc tuần hoàn trong dịch vụ sau bán hàng	7	30
<i>Nhóm tiêu chí 3.1: Giao hàng</i>	<i>2</i>	<i>9</i>
<i>Nhóm tiêu chí 3.2: Sử dụng</i>	<i>1</i>	<i>3</i>
<i>Nhóm tiêu chí 3.3: Thu hồi</i>	<i>4</i>	<i>21</i>

Bảng 4 cũng được tích hợp sẵn một sơ đồ mạng nhện được liên kết với bảng tổng điểm, giúp doanh nghiệp dễ hình dung các nhóm tiêu chí mà doanh nghiệp đã thực hiện tốt cũng như các nhóm doanh nghiệp mà doanh nghiệp chưa thực hiện tốt. Hình minh họa này giúp doanh nghiệp dễ dàng lên kế hoạch cải thiện mức độ thực hiện KTTH trong các công đoạn cụ thể.

Hình 7: Sơ đồ mạng nhện minh họa mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH của doanh nghiệp theo 3 nhóm tiêu chí



Phụ lục 1: Phân loại nhóm ngành doanh nghiệp theo mục tiêu bảo vệ môi trường

Phân loại Doanh nghiệp theo nhóm ngành với mục tiêu bảo vệ môi trường được trích toàn văn theo Dự thảo Quyết định của Thủ tướng chính phủ về tiêu chí môi trường và xác nhận đối với các dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. Phụ lục 1 giúp doanh nghiệp lựa chọn câu trả lời phù hợp cho Câu hỏi B11 – Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp trong Bảng 1 – Thông tin chung về doanh nghiệp.

Phụ lục 2: Danh sách các tiêu chí và các phương án trả lời

Phụ lục 2 liệt kê toàn bộ 39 câu hỏi thuộc 3 Nhóm tiêu chí. Đối với mỗi câu hỏi, Phụ lục 2 liệt kê tất cả các phương án trả lời mà doanh nghiệp có thể lựa chọn và mức điểm tương ứng với từng phương án trả lời. Phụ lục 2 được liên kết với Bảng 2 – 3 – 4 giúp doanh nghiệp dễ dàng thao tác chấm điểm trên công cụ mà không cần phải thực hiện tra cứu chéo giữa các bảng.

Phụ lục 3: Danh mục hóa chất cấm

Danh mục hóa chất cấm trong Công cụ được trích toàn văn từ Phụ lục II, Nghị định 113/NĐ-CP ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất 2007. Danh mục này gồm 18 nhóm hợp chất bị cấm sử dụng theo Luật hóa chất, giúp doanh nghiệp lựa chọn phương án trả lời phù hợp cho Câu hỏi 10 trong Nhóm tiêu chí 2.

Phụ lục 4: Danh mục các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh

Danh mục các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh được trích toàn văn từ Phụ lục II, Nghị định 80/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 113/NĐ-CP ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2017. Danh mục này bao gồm 221 hóa chất, giúp doanh nghiệp lựa chọn phương án trả lời phù hợp cho Câu hỏi 11 trong Nhóm tiêu chí 2.

Phụ lục 5: Danh mục các vật liệu hiếm

Danh mục vật liệu hiếm gồm 34 vật liệu theo Quy định của Nghị viện châu Âu về một cơ chế đảm bảo nguồn cung bền vững các nguyên liệu hiếm. Danh mục này giúp doanh nghiệp lựa chọn phương án trả lời phù hợp cho Câu hỏi 21 trong Nhóm tiêu chí 2.

2. Khuyến nghị khi sử dụng công cụ và kết quả xác định tính ưu tiên

Công cụ đánh giá mức độ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn (KTTH) là công cụ giúp doanh nghiệp tự thực hiện đánh giá mức độ áp dụng nguyên tắc KTTH cho chính doanh nghiệp của mình. Công cụ bao gồm các câu hỏi sơ bộ không quá chuyên sâu về kỹ thuật, cho phép một cán bộ không chuyên trách cũng có thể sử dụng. Bộ công cụ bao gồm một số các chỉ tiêu định lượng, đòi hỏi doanh nghiệp phải thu thập số liệu cụ thể hoặc đưa ra phương pháp ước tính trong trường hợp không có số liệu.

Đối với các đánh giá chuyên sâu hơn và cần các tính toán kỹ thuật chuyên sâu về vòng đời vật liệu, doanh nghiệp nên tham vấn các chuyên gia môi trường trong ngành nghề kinh doanh của mình. Doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp có tầm nhìn và năng lực chuyển dịch mô hình kinh doanh theo hướng tuần hoàn chuyên sâu, doanh nghiệp có thể cân nhắc đăng ký các chứng chỉ quốc tế về tuần hoàn, ví dụ như chứng chỉ Cradle-2-Cradle) để nâng cao thương hiệu, tăng khả năng tiếp cận với các nguồn tài chính xanh.